

CHÂN LÝ TOÀN NĂNG

Tiết 1 : Nguyên lý Nhị nguyên

Tiết 2 : Ngũ hành

Tiết 3 : Bát quái

Titre 4 : Hệ số

Titre 5 : Hoàng đạo

Titre 6 : Thượng Đế hình học

Tiết 1

Nguyên lý Nhị Nguyên¹

Bát Tiếu Nguyễn Quốc Bảo

Dẫn: bài viết gồm hai phần:

- phần thứ nhất: *lịch sử đôi đũa*
- phần thứ hai: *Nguyên lý nguyên*

Lịch sử Đôi Đũa.

*Một vũng nước trong, mười dòng nước đục,
Một trăm người tục, một chục người thanh.*

(Ca dao Việt Nam)

Người phương Tây trước khi biết ăn thanh một cách bề bộn rườm rà ngày nay, thì cũng đã ăn *tục*, tức ăn bóc, cả mấy ngàn năm. Cho đến thế kỷ 16, dưới thời nữ hoàng Catherine de Médicis (1519-1589) với quý tử, vua Henri III, mới thấy xuất hiện *phuộc-xét* trong những yến tiệc sang trọng. Thật ra phuộc xét có từ thời Bi-đan-xơ (*Empire byzantin*), nhập cảng vào Ý đại lợi khoảng năm 1056, chủ ý dùng để ăn...mì sợi (*pasta*), mà huyền thoại cứ cho là Marco Polo đem vào Ý vào thế kỷ 13, nhưng không đúng². Mì mà ăn bóc thì không được, không dễ dàng mà coi bộ ló lảng, không có thể thống cấp bậc. Thế nhưng phải đợi đến thế kỷ 18, mới có bánh trứng của phuộc xét; vua nước Pháp Lữ Y XIV, thế kỷ 17 vẫn còn ăn bóc! Thời đó, trẻ con, người lớn, ông già bà già ai cũng có một con dao mũi nhọn kè kè bên mình, lúc ăn dùng dao cắt đồ ăn, chích ròi

¹ Tiểu luận Chân lý Toàn năng viết với Pháp ngữ, Anh ngữ và Việt ngữ. Tiết luận 1 Việt ngữ khác với các bản kia. Bản tiếng Việt thiếu nhiều chi tiết và cất nghĩa toán học so với hai bản đầu.

² Lịch sử nói *pasta* có từ thời cổ Hy Lạp và La Mã (nướng hoặc bỏ lò); pasta luộc hoặc khô có thấy viết trong sách Jeusalem Talmud vào thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên, người Ả Rập khi chinh phục đảo Sicile đã đem văn hóa *pasta* này vào : Yù

bỏ vào miệng, ăn xong thì lấy mũi dao nhọn xia răng! Đến nỗi Hồng y Richelieu thấy chuyện xia răng này chướng mắt, mới ra chỉ dụ làm dao ăn đầu tròn mà chúng ta thấy cho tới ngày nay (trừ dao xít téch đầu nhọn hoắc!). Vào những năm 60, mùa hè tôi hay lên núi Pirênê (Pyrenees) theo mấy ông giữ cừu, lúc ăn, lấy dao trong túi ra làm vật dụng độc nhất, ăn xong chùi dao vào quần, gập lại rồi bỏ túi! Dao này, thường gọi là *le Provençal*, có lưỡi bằng thép rất sắc, không bị ôxi (sét) và cán làm bằng gỗ ô-li (Olive) rất cứng.

Nghĩa là lịch sử ăn thanh ở phương Tây cũng mới có đây (thế kỷ 16-17), trong khi bên Á châu, *ăn thanh* với dưa đã có trên 3,000 năm. Sách "*điều khiển học*" (*cybernétique*) chắc phải nói dưa là phát minh đầu tiên của nhân loại trên phương diện *điều khiển*! Và phát minh Dưa, từ lâu rồi, cũng đã đưa thể chế *ăn tục* (ăn bóc) lên cấp *ăn thanh*!

Ở nước ta đời sống thường nhật hầu như không thể chia lìa với dưa, sinh hoạt vật chất lẫn tinh thần đã kết hợp với dưa một mối duyên bất giải. Sáng trưa tối đều có dưa làm bạn. Sử dụng dưa đã có lịch sử từ Thượng cổ, thời Thương Trụ (2) xa xưa, người ta đã dùng dưa để ăn. Dưa hán tự viết Khoái tử³ 筴子 còn viết là Trứ 著 hay Trự 筴 (xin đừng lẫn với âm khoái, như khoái hoạt, khoái khẩu), *chữ xưa* viết Trự 著, tục hay gọi là Khoái nhi 筴兒. Hai chữ *khoái* và *trự* đều bộ Trúc 竹.

Gần đây, khi xuất thổ tàn tích nhà Ân⁴, *Ân khư* 殷墟 ở thành An dương tỉnh Hà nam, đã tìm thấy di tích Dưa đồng (Đồng trự), và ở tỉnh Hồ nam, đã tìm ra di tích Dưa xương (Cốt trự). Hàn Phi Tử⁵ có chép chuyện vua Trụ làm Dưa ngà (Trượng trự), Tư Mã Thiên có kí tải chuyện Dưa ngà vua Trụ trong sử kí Tống vi tử thế gia. Sách Sử kí Thập nhị chư hầu Niên biểu chép: "*Trụ vương có dưa ngà, Kì Tử ai thán, nghĩ rằng vua Trụ dùng dưa ngà ăn móng gấu, cực kỳ xa xỉ, âu cũng là điềm vong quốc*". Những dẫn chứng trên cùng với di tích tìm thấy khi đào tàn tích đời Ân, chứng tỏ đời Thương (1700 trước TL) đã có dưa "*trự*", và nếu đời Thương đã có dưa đồng, dưa ngà và dưa xương, thì dùng tre trúc làm dưa chắc là còn sớm hơn nhiều thời đại này. Nhiều học giả nghĩ dùng dưa bằng tre bắt đầu từ *tân thạch khí thì đại*, thời "*đồ đá mới*" *Neolithic*; cho nên dưa ngà của Trụ vương đời Thương không thể là dưa đầu tiên của lịch sử. Sách Trát Kí của Trịnh Huyền⁶ ghi chuyện nấu nướng ngày xưa "*dĩ thổ đồ sinh vật, bác nhi thực chi*", nghĩa tổng quát là dùng lá gói kín ngũ cốc bỏ vào lửa nướng chín, hay đơn giản hơn cốc lạp thì gói bằng lá rồi lúi vào tro, dùng cây củi khơi tới khơi lui cho nóng thật đều để chín vừa ăn! Đại khái, tiên nhân

³ Sách Lễ Ký-khúc Lễ thượng 禮記曾禮上 ký giải dưa có từ đời Nhà Tần (243-207)

⁴ Thương triều 商朝 (vua Thang nhà Hạ) hay Ân đại 殷代, 1600-1046 trước Tây lịch. Vua Bàn Canh nhà Thương thiên đô sang đất Ân, đánh dấu thời vàng son của triều đại này (nhà Thương dời kinh đô hết thảy sáu lần). Vua Đế Tân nhà Ân đốt chết kẻ trung lương, mô đàn bà chữa, cho nên thiên hạ gọi là vua Trụ hay Trụ vương. Tiếp nhà Ân, Vũ Vương giết vua Trụ, lập nhà Chu, 周朝 Chu Triều (1076-771 trước Tây lịch).

⁵ Hàn Phi Tử, *Han Fei Zi* 韓非子 dòng giới Hán tộc, sinh khoảng 280 trước Tây lịch, học trò của thầy Tuân Tử cùng thời với Lý Tư. Sử gia Tư Mã Thiên 司馬遷 sanh 135 hoặc 145 trước Tây Lịch.

⁶ Trịnh Huyền, Zheng Xuan 康成, học giả Khổng giáo (127-200 trước TL) đời Đông Hán.

chúng ta từng trải qua những giai đoạn nấu nướng này, và sau một thời gian dài, mới biến được cây củi cong queo nguyên thì thành đôi đũa cầm trong tay...

Nhưng sao đũa xưa *trợ* lại diễn biến thành đũa ngày nay *khoái tử*? Truyện thoại về chuyện này cũng dài lòng thòng. Nguyên nhân loại khởi sự ăn bốc dùng ngón tay, cho nên có thể nói ngón tay, phuộc xết⁷ hay đũa cũng là *tam chủng phương thức*, giống nhau, mà thôi! Thời xa xưa tổ tiên các cụ "thời" (xoi, ăn) thịt sống, tức ăn lông uống máu, *như mao ẩm huyết*, tất nhiên công phu thủ thảo phải cao siêu để xé thịt bỏ vào miệng, cũng dùng ngón tay để tách rời rời xé, làm nhuyễn thực vật và xe lại thành viên tròn. Sau đó các cụ phát hiện thực vật nấu chín có nhiều tư vị hơn, lúc đó lấy đồ chín bỏ vào miệng là cả một vấn đề! Khi nướng, thiêu hay lụi đồ ăn trong lửa, không thể trực tiếp dùng tay, nên nghĩ cách thay thế bằng cành cây *nhánh trúc* khơi lửa trở thịt hay đồ nướng khác; khi chín rồi thì các vị tổ tiên thông minh này cũng dùng cành cây nhánh trúc *gắp* bỏ đồ vào miệng! Tiếp đó bắt đầu dùng nồi niêu xong chảo để nấu thịt với ngũ cốc và rau, từ từ tiên nhân nghĩ ra chuyện dùng một cặp nhánh cây có thể *gắp*, *xé*, trở các thực vật, tránh cháy khét hoặc dính nồi. Lúc ăn đồ nấu lẫn lộn chín này, tức *cháo*, lại dùng cặp cây khua đồ ăn vào miệng tức *và*. Cặp nhánh cây hay thanh trúc là tổ tiên của đôi đũa ta vậy! Vậy có thể nói đũa xưa (*trợ*⁸) song song với đồ gồm, sành để nấu chín là hai phát minh có tương quan rất mật thiết.

Thời cổ đại, đũa viết *trợ*. Trong sách cắt nghĩa từng chữ một, Thuyết văn giải tự chú, Đoàn Ngọc Toàn ghi: chữ *Trợ* 箸 có nghĩa phạn 饭 (cơm) và nguy + chi (危+支), hai chữ này ý nói *Khuyh* 倾 nghĩa nghiêng (như *khuyh* thành, nghiêng nước nghiêng thành, ý nói sắc đẹp!), và thật vậy, đũa cầm phải nghiêng nghiêng mới dùng được, thật là chí lý! Đũa cũng viết *giáp* 挟.

Tiến trình thay đổi cặp đũa cũng nhiều khê. Như đã dẫn trên đây, trước khi đũa thành tên *Khoái tử* 筷子, (*khoái tử*, một âm Hán tự nghe sao thân thiết đậm đà biết bao!), đũa xưa gọi là *đũa trợ* 箸, mà tổ tiên của đũa này là *đũa giáp* 挟! Tá kí *Khúc lễ thượng* ghi: “phạn thử vô dĩ trợ”, cơm tám hay cơm nhien (nhuyễn) không thể dùng đũa trợ! Tỹ như ăn cháo, *phạn chúc*, hay canh xương (không có rau), làm sao dùng đũa trợ được⁹. Sách cũng viết “giáp vị chi trợ”; *đũa giáp* đây dùng để *gắp* và lấy đồ và rau (thái 菜) nấu trong canh. Và có lẽ *đũa giáp* to bản nên thường làm bằng gỗ, trong khi *đũa trợ* làm bằng tre. Tôi nhớ úc bé, ở Bắc và xứ Thanh, có dùng loại đũa to bản gọi là *đũa bếp*, *đũa cả*, *đũa ghế*, để xới cơm, ghế, đánh cơm đánh cháo cho khỏi dính nồi, không biết có liên hệ gì với *đũa giáp* ngày xưa không!

⁷ Phuộc xết *nĩa* chữ hán viết Xoa tử hay Tiễn đao xoa 叉子, 剪刀叉, xoa nghĩa tở ra

⁸ Chữ trợ như *trợ giúp* hán tự viết 助 (bộ lực) trong khi đũa trợ viết 筴 hay 箸 (cùng nghĩa với chữ *khoái* 筷), đều bộ trúc. Đũa có khi thấy viết *giáp*, 挟 gồm chữ mộc 木 và *giáp* 夹 (夾) (giáp, kèm cặp, cặp để *gắp* đồ). Một âm hán tự khác *giáp* 筴, đũa.

⁹ Sách *Khúc lễ thượng* chép: canh có rau, dùng *khư* 祛. Tôi tìm chưa ra dụng cụ này!

Thời Tiên Tần, dưa vẫn chưa thấy thông dụng. Phải đợi đến sau thời Đại Hán, dưa mới được phổ biến rộng rãi. Tên Trọ diễn biến thành Khoái tử, chỉ là một chuyện *húy ngôn húy ngữ* (kiêng tên). Miệt Giang Nam thời đại cổ, nhiều sông nhiều nước nhiều thuyền, dân gian có tục *húy*, dân thuyền chài húy chữ trụ 住, mà nghĩa chính là bị ngừng (stop), hai chữ chữ *trụ-trọ* đồng âm, không tốt. Nhân người xưa có gọi dưa trọ là khoái nhi 筷儿, dân chài vôi vãi tự âm thượng thính, đổi dưa trọ thành dưa khoái 筷, mong thuyền sẽ khoái 快, đi nhanh chóng! Chỉ vì tư kị húy ngữ mà hậu thế có xài được một chữ may mắn, *cát tường*! Hán tự *khoái*, ngoài nghĩa mau chóng, còn có nghĩa *sướng thích*, như *khoái hoạt* 快活. Tưởng tượng cầm đôi dưa, tức *khoái tử*, để ăn ngon, tức *khoái khẩu*, thế không phải là cuộc đời tuyệt đẹp sao!

Chuyện đặt tên đôi họ xú ta thường như cơm bữa, vì húy kỵ tượng âm và hơn nữa, văn minh nông nghiệp rất dị đoan, nên đổi chữ cho cuộc đời tốt đẹp hơn là việc nên làm! Sách *Suy bồng ngô ngữ* đời Minh có ghi chú là chữ *trọ* đồng âm với nhiều chữ không tốt như *trệ* 滯, 滯, trì trệ...(ngừng lại, đọng lại) hay chữ *chú* 蛀 (sâu mọt... cắn gỗ thuyền...), nên cổ nhân đổi ra khoái tử. Vài thiếu số địa khu, hoặc Nhật bản nhập cảng dưa từ đời Đường, vẫn dùng chữ xưa, trọ 箸 để gọi dưa. trúc để khơi lửa thuo ban đầu.

Xin đưa ra thiên ý sau: dưa là một dụng cụ điều khiển (*cybernétique*) xưa nhất của thế gian và cũng rất hoàn hảo, dụng cụ này *động* (*cinétique*) chứ không *tĩnh* (*statique*). Cổ nhân chỉ dạy cầm dưa phải cầm nghiêng, không thấy dạy chuyện dưa có 2 cây, *một tĩnh một động*, cây tĩnh có điểm tựa cân bằng và cây động có trục bản lề (*articulation*), hai cây hợp thành máy điều khiển, để cắt, xé, phân, cạp, kẹp, gấp, lùa, và,...

Cho nên dưa đa dạng đa dụng, ăn theo kiểu Á Đông ta, có thể thay thế nĩa, dao và cả thìa muỗng,... nữa!

Và ăn cơm bằng dưa đã đưa nhân loại từ cõi u tối man rợ *ăn tục, ăn lông ở lỗ hay ăn khoai củ vỏ ăn chó củ lông*, đến một văn minh ăn thanh! Rồi từ dưa tre, có dưa xương dưa ngà, dưa đồng, dưa bạc, dưa vàng, và dưa ngọc nữa...Mà văn minh đó đã có từ mấy ngàn năm, chứ không như phuộc xét, động mà không tĩnh, mà cũng phải đợi đến đầu thế kỷ 18 mới thấy xuất hiện! Rồi hôm nay mới có kẻ hèn này mở miệng ăn to nói lớn về dưa¹⁰!

Đưa là một linh vật, không những để ăn mà cả để nấu. Đưa bép (dưa củ) là cả một tượng trưng trong đời sống bình dị của dân quê, dưa con thì là bạn đồng hành, một ngày mà không thấy mặt, thì như có gì quan trọng thiếu sót. Chẳng thế mà ca dao ta biết bao nhiêu chuyện dưa, xin kể vài thí dụ:

¹⁰ Sư phụ chỉ dạy tôi về dưa, *Khoái tử Cổ Kim đàm*, là Cụ Lư Mậu Thôn, bác vật quán tỉnh An Huy bên Tàu.

Một gặm đũa bép sứa nhảy qua đấng.

Đưa đũa ghét năm đưa tằm ghét đời.

Giúp lời không ai giúp của / Giúp đũa không ai giúp cơm.

Mặt mày như cái mặt mo / Tao lấy chiếc đũa tao đo mặt mày.

Quả báo ăn cháo gãy răng / Ăn cơm gãy đũa, xỉa răng gãy chày.

Màn hoa lại trái chiếu hoa / Bát ngọc thì phải đũa ngà, mâm son

Một mai cha yếu mẹ già / Chén cơm, đôi đũa, tách trà ai dâng ?

Vợ chồng như đũa có đôi...

Đôi ta làm bạn thông dong / Như đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng.

Đôi ta như đũa trong kho / Không tề, không tiện, không so cũng bằng.

Nhớ khi rửa bát cầu ao / Ta cầm nắm đũa ta trao cho mình.

Chồng thấp vợ cao / Như đôi đũa lệch biết sao so bằng.

Người ta như đũa có đôi / Còn anh đi lẻ về loi một mình.

Bao giờ sông hẹp bằng ao / Bắc cầu chiếc đũa qua trao lời nguyện.

Yêu nhau bốc bãi giàu sang / Ghét nhau đũa ngọc mâm vàng chẳng ăn.

*Em như cây quế trên rừng / Thom cay ai biết, ngát lừng ai hay / Anh như cây phước nhà chay /
Em như chiếc đũa sánh bày sao nên.*

*Anh về thắt ré kim cương / Bán đôi đũa bép cưới nàng còn dư / Anh về bán ruộng Cây Da / Bán
cặp trâu già chẳng cưới đặng em.*

(Xin xem tiếp phần 2 dưới đây)

Nguyên lý Nhị nguyên

Vợ chồng như đũa có đôi...

Ca dao Việt nam ghê gớm thật, chỉ có một câu mà thâm gọn tất cả tinh hoa Cổ học, tư tưởng Triết học của mấy ngàn năm văn hiến Á đông! ... *Đũa có đôi*, đích thị là nói đến *nguyên lý nhị nguyên* rồi còn gì nữa! Tức là thuyết Âm Dương Tứ Tượng Ngũ hành, Vô cực Thái cực, Đạo giáo Đạo gia, *tuti quanti*.

Trong tạp luận phần 1, lịch sử đũa, khi viết đến *nguyên lý nhị nguyên* (Dualité) để nói nhà ở Mỹ cái gì cũng có cặp: 2 tủ lạnh, 2 máy rửa chén, 2 mai kờrôwây (microwave), 2 máy giặt, 2 máy sấy, cho đến máy tính điện tử cũng chíp lưỡng lõi *dual-core chips*¹¹

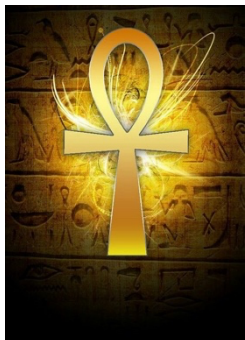
Văn hóa Đũa khởi từ Tân thạch khí thì đại, đến đời Thương Trụ đã thấy có đũa ngà. Tư tưởng của Đạo giáo 道教 hay Đạo gia 道家 bắt đầu phổ biến thời Chu Triều (1076-771 trước Công nguyên). Kinh Dịch 易經 có nguồn gốc từ *huyền thoại* Phục Hi (伏羲 Fú Xī), có lẽ từ 2852-2738 TCN. Theo lịch trình đó, xin thiên nghĩ là phát minh đũa chắc đã dựa trên một trong những suy luận và mở mang tư tưởng của thuyết Âm Dương 陰陽 Ngũ Hành 五行 song song với chân lý Kinh Dịch và Đạo giáo!

Đũa, khác phức xét đơn thương độc mã, *đôi đũa* gồm 2 phần, một cây tĩnh Âm và một cây động Dương; đũa là *máy (điều khiển) đầu tiên* mà nhân loại đã phát minh để *nhận thức lý luận nhị nguyên và vượt đến nguyên lý vĩnh cửu Âm Dương*.

Cổ nhân phát minh ra đũa không phải chỉ để đưa đồng loại từ *cấp ăn tục lên cấp ăn thanh*, nhưng phát minh ra đũa đồng thời các cụ đi sâu vào một nhận thức lớn lao: *Vũ trụ quan*. Vũ trụ luôn luôn với *hai thể*, ánh sáng đối tối tăm, động đối tĩnh, tiếng ồn đối yên lặng... Thế nhưng như văn chương dân gia đã dẫn, *không thực làm sao mà vực được đạo* ? Vậy thì những khi khơi lửa, gạt tàn, gom tro, rồi thì cắt, xé, phân, cặp, kẹp, gấp, lừa, và các thực vật,...và sau khi *ăn no* ngủ kỹ, cổ nhân dần dà suy ngẫm đến *tính* của hai cây đũa Tĩnh và Động để đi đến một nhận thức về hai lực *đối ngẫu* 对偶, *nhị nguyên* 二元 di vật (Dualité). Vậy có thể nói Đũa (đôi) hiện thực hóa cái khái niệm mâu nhiệm *luận lý Nhị Nguyên Sơ khai* (la Dualité Première) và Đũa từ khái nghiệm này đã đưa nhân loại tới *khái niệm trừu tượng* (abstraction) tối quan trọng: Nguyên lý Âm Dương. Đũa tượng trưng mật thiết cho ba nguyên lý căn bản trong Kinh Dịch: *primo* thực thể *giản dị* (hai cây tre, trúc), *secundo* mềm dẻo trong cử động tức *biến dịch* (đũa trong bàn tay năm ngón), *tertio* từ thượng cổ tới nay vẫn không thay đổi tức *bất dịch* (qua cả mấy ngàn năm cũng chỉ là hai cây). *Biến dịch* nghĩa sự sống, *bất dịch* nghĩa luật tạo hóa của sự sống, *giản dị* đưa biến dịch thành bất dịch: *Thiên hạ chi động, trính phù nhất* (Dịch Hệ từ hạ truyện). Đũa tượng trưng căn bản cho tuần hoàn trong vũ trụ, *đũa động tức Dương là dương, đũa tĩnh tức Nhu là âm, âm dương thúc đẩy nhau mà sinh ra biến hoá* (theo Dịch Hệ Từ Thượng Truyện).

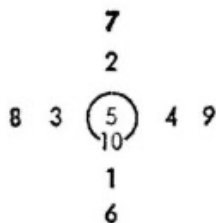
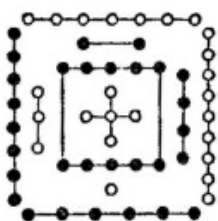
¹¹ Tiểu luận muốn *đề chứng liên hệ đôi đũa tức Nhị Nguyên với những tư tưởng Triết học Đông Tây*. Những người Tây học có dịp đọc những tác phẩm của Marcel Granet (1884-1940), giáo sư *École des Hautes Études* và *École des Langues Orientales*, nhất là tác phẩm đồ sộ gần 500 trang, *La pensée Chinoise* (1934). Sách của một trong những nhà Đông Phương học trứ danh của Pháp, viết trước đây gần ¾ thế kỷ vẫn không phai lạt với thời gian, tuy nhiên tìm hiểu đối với tôi, cần nhiều thì giờ vì từ ngữ Hán chỉ có diễn âm Wade-Gilles, không có Pinyin như hiện tại (và không có chua Hán tự).

Vì tính chất đối xứng, thiên nghi trong bát quái, đũa biểu tượng cho quẻ Ly 離 (I:I) bản chất hỏa 火 và quẻ Khảm 坎 (:I:) bản chất nước 水. Ly thì sáng, Khảm thì đầy; Ly là lửa, Khảm là nước, hai yếu tố chính trong nghệ thuật nấu nướng của hoàn vũ! Đạo Cao Đài đặc biệt đưa 2 quẻ này vào *Trung Thiên Bát Quái* (xem chú thích d): Trung Thiên nói về ngũ hành và âm dương là hai yếu tố quan trọng trong sinh hóa muôn loài, tức là trung nữ (Ly) và trung nam (Khảm) làm chủ trong thời Tam Kỳ Phổ Độ nhằm lấy sức sống trẻ đang lên của Ly Khảm mà tạo thời cải thế!



Đũa từ nguyên thủy, đã là nền tảng cho các hệ thống *tu duy*¹² của loài người, trên khắp địa cầu. Nguyên lí Âm Dương, từ thời đũa, đã trở thành *Chân lí toàn năng (la Vérité Universelle)*. Sau đây là những chi tiết mục.

Hà đồ của Âm Dương Ngũ Hành có ký hiệu 10 số, đếm bằng các chấm đen trắng xếp thành 2 vòng trong ngoài, ở giữa số 5 và 10 (5 chấm trắng - số 5, 5 chấm xếp thành hình chữ thập, tức số 10), số 10, 1-0 ghi ý (signe idéographique) nguyên lí Âm Dương. Thuở xưa thuyết PiTaGo nói số 10 là số hoàn toàn (*nombre parfait*) của bộ tứ *Tétractys*, trong khi người La Mã viết chữ thập thành X, nửa X là V tức số 5. Dân Ả rập, cũng như Ai cập và Ấn-Arian (Indo-Aryens), số 10 viết 1 và 0; nửa số 0 cộng số 1 tách 2, biến thành số 5. Đây là sự *trùng hợp Đông Tây đầu tiên phát khởi từ nguyên lí nhị nguyên*.



Hình bên: Hà đồ đời Thương, số Dương (trắng) nghĩa số Cơ (Trời): 1-3-5-7-9, số Âm (đen) tức số Ngẫu (Đất) 2-4-6-8-10. Ở giữa, số 5 và chữ Thập, tức số 10, là bản chất của Âm dương. Hà đồ này cũng là ý niệm của Ngũ hành, tỷ như Hành Thủy (1-6) ở Bắc, Hành Hỏa (2-7) ở Nam, Hành Mộc (3-8) ở Đông, Hành Kim (4-9) ở Tây và Hành Thổ (5-10) ở Tâm (trung). Ngũ Hành tương tác lẫn nhau theo Nhị

Nguyên đối xứng Âm Dương, tức cơ chế Tương Sinh (hành gần nhau) và Tương Khắc (hành cách nhau). Ngoài Hà đồ, còn có Lạc thư (Xem chú thích e)

¹² Từ ngữ mới này gốc Hán tự, viết 思維, diễn Nôm tư duy, pinyin (phổ thông) *Sī wéi*. Các từ diễn mới viết: tư duy, ý nghĩ - Từ triết học dùng để chỉ những hoạt động của tinh thần, đem những cảm giác của người ta sửa đổi và cải tạo, làm cho người ta có nhận thức đúng đắn về sự vật - Tư duy bao giờ cũng là sự giải quyết vấn đề thông qua những tri thức đã nắm được từ trước. Anh: thought, thinking, Pháp: pensée, tư duy trừu tượng pensée abstraite, Đức: dachte, gedacht, Gedanke. Tự điển Thiệu Chử viết: Tư 思 py: si, bộ 心 tâm, nghĩa, 1 : Nghĩ ngợi, phàm các sự tác dụng thuộc về tâm như tưởng tượng suy xét ghi nhớ đều gọi là tư. 2 : Nghĩ đến. 3 : Mến nhớ như tương tư 相思 cùng nhớ nhau. Duy 維 giân thể 維 py:wéi cũng viết 惟唯, bộ 糸 mịch, nghĩa: Buộc. Như duy hệ 維繫, duy trì 維持 ràng buộc giữ gìn cho khỏi đổ hỏng.

Các tác giả PiTaGo *Pythagore* ký hiệu và gói ghém vũ trụ vào bộ tứ Tétractys, đó là một tam giác hoàn toàn mà mỗi cạnh giá trị 4, và tổng cộng là 10. Họ đi từ số 1 là *điểm* (monade), đến số 2 là *đường* (dyade) giữa 2 điểm, số 3 tam giác gồm 3 đường 3 điểm (mặt phẳng, le plan), đến số 4 hình tháp *pyramide* 6 đường 4 điểm (tổng cộng là 10, số hoàn toàn). Tetractys gồm số 1, điểm (monade), nghĩa *thiện* (âm); số 2 đường (dyade) nghĩa *ác* (dương), là tượng trưng cho vũ trụ gồm 10 tinh cầu. Thuyết PiTaGo không có nhận thức rõ rệt về Âm Dương, nhưng nội dung các luận đề phản ảnh hoàn toàn chân lí *nhị nguyên* là cơ cấu của vũ trụ, chẳng hạn khi chia chẵn lẻ cho các số, khởi sự từ 1 và 2, Một và Hai không thể được xếp hạng chẵn hoặc lẻ, vì 1 là nguyên lí *sinh* (*principle engendrrent*), 2 là số 1 "bù" để nối dài, vì 2 chỉ có được khi có 1 cộng 1. Do đó phải suy nhị nguyên 1, 2 là căn bản cơ cấu vũ trụ của PiTaGo, nhưng ngược đời, vì thuyết Nhị nguyên ta nói số 1 là Dương (thiện) và 0 là Âm (ác). Chuyện ngược đời này tương tự với ý niệm Nhị nguyên thời cổ Ai cập.

Trong chuyện thần thoại cổ Ai cập, số 1 biểu tượng nữ thần Isis và số 0 chỉ Orisis. Sau khi Orisis bị Seth giết chết cắt ra từng mảnh, Isis ráp lại thân thể Orisis nhưng thiếu dương vật, nên nữ thần thay thế bằng dương vật đất sét và thổi vào đó một nguồn sinh khí. Nữ thần đồng trinh Isis giao cấu với thân linh (*esprit*) Orisis, sinh hạ Horus. Do đó trong truyền thống Ai cập, số 1 là Dương với dáng nữ thần Isis (Nữ, mái, cái) và số 0 là Âm với dáng Ông Thiện (Être Bon) Orisis (Nam, đực, trống). Kết hợp giữa Isis với Orisis sinh Anhk, dấu hiệu tượng hình (Signe Hiéroglyphique) biểu hiệu sự Sinh sống vĩnh cửu. Xin lưu ý: Số 1 ý là Dương với nữ thần Isis và số 0 ý Âm biểu hiệu cho nam thần Orisis, cho ta thấy quan niệm Âm Dương rõ rệt, nhưng ngược đời!



Bộ Tứ
Tétractys

Isis-Orisis-Horus

Shiva và Pârvatî - Linga Dương Vật và Yoni Âm vật

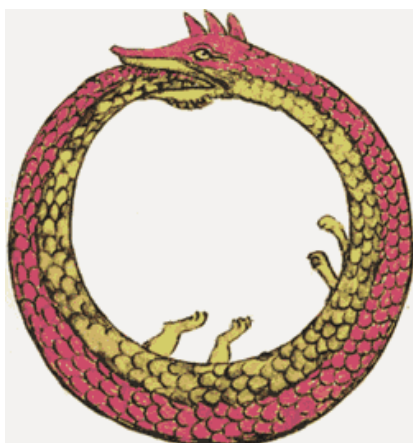


Theo Văn hóa tín ngưỡng thờ Dương Vật (le Culte du Phallus) Ấn-Arian (Indo-Aryens) cũng có thuyết nhị nguyên: Số 1 tượng trưng "linga" hay *dương vật*, số 0 tượng trưng "yoni" hay *âm vật*. Thần Shiva (Śiva) là một trong ba ngôi *trimūrti*, Shiva, Brahma và Vishnou. Dương vật *Phallus* tức "lingam" tượng trưng *nhân tính* của Shiva (vợ là Pârvatî), Shiva là Thượng đế của tín ngưỡng thờ Dương vật.

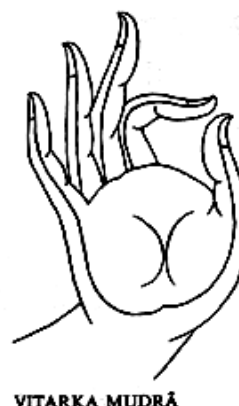
Trong Kinh Dịch, Âm Dương là hai trạng thái Tĩnh (thụ) và Động (hoạt) của Vũ trụ. Theo thuật ngữ, Âm phải viết trước Dương. Âm là Vũ trụ chưa hiện hình (*Univers Non-manifesté*) Bản thể chưa hiện sinh hay Phản thể (*Non-Être*), trong khi Dương là trạng thái hoạt động của Vũ trụ và Bản thể (*Univers Manifesté et Être*), nên Âm có trước Dương. Nhưng Âm không toàn Âm và trong Dương có Âm, và ngược lại. Vũ trụ có cặp Âm *Đực và Cái*, cũng như có cặp Dương *Đực và Cái*. Theo nghĩa này, có thể cắt nghĩa Isis là một đàn bà Dương (*Cái*) *hoạt động* và Orisis là một đàn ông Âm (*Đực*) *thụ động*. Để có Âm Dương hòa hợp cân bằng, phải có *đàn bà hoạt động* giao cấu với đàn *ông thụ động* hoặc ngược lại. Nhờ có quan niệm này, mà dân cổ Ai cập luyện thuyết Âm Dương ngược đời không bị tầu hỏa nhập ma! Tính đổi lẫn (*interchangeabilité*) Âm Dương thể hiện thường ngày với sự xử dụng đôi đũa, tùy theo vị trí của cây đũa trong tay, mà nó có bản thể Âm hay Dương.

Trong Thánh Kinh, Thượng Đế hiện dưới dạng Nam Nữ kép đôi (*accouplés*) IEVE. IEVE do 2 chữ Êbơ IOD (Thuần Nam) và EVE (Thuần Nữ). EVE còn đọc là Évohé. IEVE sau trở thành IAHVÉ, JAHVÉ hay Jéhovah, tức Iseu Đức Chúa Cha. Từ ý niệm này mà nảy nở quan niệm thần học *Tam Vị Nhất Thể* (Xem dưới đây)

Người Ấn-Arian tượng trưng lý Nhị Nguyên bằng vòng kiềng con Rắn Cobra (Thần Nữ Bouto) Đầu nuốt Đuôi (Pasha de Śiva), khoảng thế kỷ 15 TCN; ở dạng bình thường có đầu đuôi duỗi thẳng, nó là Linga tức số 1 Dương Vật, khi cuộn vòng kiềng đầu nuốt đuôi, đó là Yoni tức số 0 Âm Vật. Qua thời đại Phật giáo Pasha de Śiva được thay thế bằng *Đại pháp ấn* 大法印 của Đức Phật (*Geste iconographique de raisonnement, vyakhyana mudra*), ngón cái và ngón trỏ liền thành hình tròn (số 0) có nghĩa Âm, trong khi ba ngón khác đứng thẳng (số 1) có nghĩa Dương.



Pasha



VITARKA MUDRĀ

de Śiva (Ouroboros ουροβορος)

Những thí dụ lược nhặt rải rác, trình bày trên đây, chứng tỏ một *tương đồng* giữa nguyên lí Luỡng Nghi (Nhị Nguyên Sơ Khai) và *các nền tảng Văn minh Tôn giáo trên toàn cõi thế giới* từ đông sang tây. Đó chính là luận đề của tiểu luận: Chân lý toàn năng *La Raison Universelle*.

Hệ Từ Thượng Truyện viết nguồn gốc của Vũ Trụ: Vô Cực sinh Thái Cực, Thái Cực sinh Luỡng Nghi, Luỡng Nghi sinh Tứ Tượng Ngũ Hành, Ngũ Hành sinh Bát Quái, Bát Quái là gốc của 64 quẻ Kinh dịch.

Như nói trên đây, từ phát minh Đũa, nhân loại nói chung, qua quá trình tiến hóa, đã đi đến một chân lí toàn năng mà nền móng là lí luận nhị nguyên như đã thấy. Nhưng chỉ có dân tộc Á đông, vì đã phát minh và xử dụng đũa, nên mới có khả năng *tổng quát và trừu tượng hóa* lí luận này để hoàn toàn nhận thức được vũ trụ qua lý thuyết Âm Dương Ngũ Hành (Thái Cực Đồ) và Kinh Dịch. Trong khi đó phái PiTaGo muốn hình dung vũ trụ bằng những con số cứng nhắc (rigides), rồi sau đó Triết học phương Tây tiến triển trong ý thức hệ với phát sinh văn minh cơ khí, đã đi theo lô gíc Đề Cạc Descartes¹³ cũng cứng nhắc, không đủ ý niệm để phương thức Biến dịch trong Bất dịch và Âm trong Dương, *vice versa*... Cũng chỉ vì đôi đũa khác phuộc xét¹⁴

¹³ Người Tây Phương bị ràng buộc bởi lô gíc Đề cạc không hiểu những thực thể bề ngoài tuy mâu thuẫn hay phản biện (*contradiction*), nhưng lại là chân lí. Đặng Tiểu Bình cất nghĩa sự chung sống của Xã hội Cộng sản chủ nghĩa và thuyết Kinh tế Thị trường: Mèo đen mèo trắng cũng là mèo, miễn là mèo bắt được chuột! Mao Trạch Đông lại nói: Xã hội chủ nghĩa có nhiều biện chứng thuận và chống, tán thành và phản đối, nhưng trong thuận có chống và trong tán thành có phản đối, và *vice versa*...Do đó khi biện chứng có chống đối thì ta lại *sửa sai* dài dài...hoặc ta *đổi mới*...Hai linh đạo đã áp dụng triết đề nguyên lí nhị nguyên Âm Dương!

¹⁴ Tương truyền Vua Phục Hi 伏羲 Fú Xī (Vua Thái Tổ thần thoại Tàu 2000 TCN) đi tuần thú phương Nam qua sông Hoàng hà, gặp Long mã, trên lưng có những chấm đen trắng, rồi thấy rùa thần hiện ở sông Lạc, trên lưng cũng có

Nguyên lí Âm Dương biểu tượng rõ rệt trong Thái Cực đồ 太極圖 (Tàijítu). Chu Dịch viết Âm Dương là nguồn gốc vạn vật, nên có thể nói rằng nguồn gốc của Vũ trụ là Nhị nguyên chất chứa trong Thái Cực (*Thái Cực sinh lưỡng nghi...*). Thái Cực, nôm na gọi Đỉnh Tối Cao (Faîte Suprême), chính là hiện thể của Vô Cực lúc Phán (Vô) Thể *Non-Être* khu biệt (*différenciation*) thành Bản Thể *Être*.

Vật lý hiện đại cho nguồn Vũ Trụ khởi từ Big Bang, ý niệm này tương đồng với phát sinh của Thái Cực, khi Vô Cực sinh Thái Cực, những cá thể nhị nguyên, hạt và *phản hạt*, sóng và *phản sóng*, vật chất và *phản vật chất*, lực hút và *lực đẩy*,... được giải phóng (passage du Non-Être à l'Être), tương xứng với Lưỡng Nghi, sinh Âm Dương trong Thái Cực. Nhưng Mẹ đẻ của Tất cả là Đạo, tức Vô Cực (Absolu). Lão Tử dạy: *Đạo (Vô Cực) sinh Một (Thái Cực), Một sinh Hai (Lưỡng Nghi), Hai sinh Ba, Ba sinh vạn vật...* Chu Đôn Di đời Tống đã hiểu Đạo là Nguồn mang tính Tĩnh, chứa đựng những gì chưa phát lộ, *khởi thủy tiềm phục*. Nhưng Đạo tức Vô Cực (Absolu), nghĩa không có tận cùng, không giới hạn, không thể định nghĩa được, không chỉ định được (*Inconcevable, Inommable*), chỉ có thể hiểu Đạo hằng có, vô thủy vô chung, trống rỗng, tịch lặng, không hình không tướng, một khối mờ mịt, hỗn độn, đặc biệt là nó đơn giản vô cùng, vượt ra ngoài cả suy nghĩ của lý trí (*Intelligence humaine*). A. Tanon Việt: *L'Absolu était tel que nous ne pouvons ni concevoir en son essence, ni nommer d'un nom quelconque qui lui confère une propriété, encore moins une substance!* Cái tuyệt đối đến nỗi chúng ta không thể hiểu được bản chất của nó, cũng như không thể gọi tên bằng bất kỳ cái tên nào mang lại cho nó một đặc tính, ít hơn một bản chất!

Lão tử nói thật rõ ràng: Đạo trống không, nhưng đổ vào mãi mà không đầy. Đạo sâu thẳm, dường như là tổ tông của vạn vật (道冲，而用之或不盈。淵兮，似萬物之宗 *Đạo xung, nhi dụng chi hoặc bất doanh. Uyên hê, tự vạn vật chi tông*). Rồi còn lại kỹ lưỡng dặn dò: Đạo mà ta có thể nói đến được, không phải là Đạo thường nghĩ. Danh mà ta có thể gọi được, không phải là Danh thật sự. Vô danh là gốc của thiên địa, hữu danh là mẹ của vạn vật (道可道，非常道。名可名，非常名。無名天地之始，有名萬物之母。 *Đạo khả đạo, phi thường Đạo. Danh khả danh, phi thường Danh. Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu*).

Khi Thái Cực sinh Âm Dương, không phải sinh 2 yếu tố riêng biệt. Toàn Âm toàn Dương không thể tồn tại, vì không thể là một tổng thể tức Thái Cực. Tỷ như Dương là Nam, Âm là Nữ, thế như trong thể xác Nam có xương (Dương) và kinh mạch (Âm), lục phủ là Dương mà ngũ tạng lại là Âm. Âm Dương là giao hòa tương tác, không bao giờ không tồn tại, tuy đối lập nhưng không triệt tiêu nhau, khi yếu tố này mạnh thì yếu tố kia yếu, nhưng không bao giờ suy đến cạn kiệt. Người Ấn-Arian có Prakriti, tức Thể chất (*Matière*) cùng ý niệm với Âm, và Perusha, tức Thần linh (*Esprit*) cùng ý niệm với Dương.

Hai thể trong một của Âm hay Dương (formes doubles de la dualité), sinh Tứ tượng. Bốn thể Thái Dương 太 陽 (*Yang Majeur - Mâle*), Thiếu Dương 少 陽 (*Yang Mineur - Femelle*), Thiếu

trang chữ. Phục Hi dựa vào đó vẽ lại thành Hà đồ và Lạc thư, rồi ngựa đầu xem tượng trời, cúi xuống xem thể đất, mà vẽ nên Bát quái.

Âm 少陰 (*Yin Mineur - Mâle*) và Thái Âm 太陰 (*Yin Majeur - Femelle*) có thể có một tương đồng với Triết học phương Tây, khi nhận xét :

陽 男 dương nam tức Thái Dương , *Positif Mâle ou Mâle actif*

陰 男 âm nam tức Thiếu Dương , *Négatif Mâle ou Mâle passif*

陽 女 dương nữ tức Thiếu Âm , *Négatif Femelle ou Femme Passive*

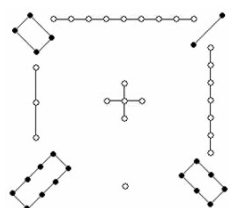
陰 女 âm nữ tức Thái Âm , *Positif Femelle ou Femme Active*



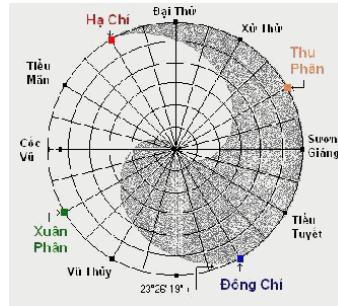
Và chuyện Cô tích Ai cập có thể viết Isis là Thái Âm và Orisis là Thiếu Dương. Nhưng triết lý Ai cập lại không có biến hóa Tứ tượng và văn hóa lại không có đũa. Thái dương là hai đũa ở thể động, tí dụ như đũa bếp đũa cả. Thiếu dương Thiếu âm là đũa 1 động một tĩnh hoặc một tĩnh một động như khi dùng để gấp, xé, phân thực vật như đã nói ở trên. Thái Âm, hai đũa đều tĩnh, dùng như thìa muỗng để và hay *lùa* thực vật vào miệng.

Mô hình Thái cực là một vòng tròn, gồm hai nửa, Âm đen Dương trắng. Thuở Vô Cực, tuy không chính xác (vì như đã nói, vô cực không thể hiểu đặng), nhưng *ráng* tạm hiểu, hai phần Âm Dương chia hai, bằng 1 đường kính của vòng tròn, để đồng hóa với hình ảnh Ankh Ai cập. Khi Vô cực biến thể thành Thái cực, đường kính biến thành đường chữ S chia Âm Dương ; chữ S này có chiều dài bằng nửa chu vi của vòng tròn Thái cực trong khi chiều dài đường viền (contour) của Âm (con cá đen) hay Dương (con cá trắng) thì lại bằng chu vi của vòng tròn. Hai cá Âm Dương quện vào nhau là dấu Cancer 69, tổng cộng 6 và 9 là 15, tức 1,0 và 5, mà cũng là số 15 trong *ma phuong*¹⁵. Như vậy có thể nhận định ở đây cá đen Âm là Isis, cá trắng Dương là Orisis và đường chữ S (số 5) là Horus, con của Isis và Orisis. Và như vậy bản thể của Thái cực không phải là Hai (nhị nguyên) mà là Ba, đúng như lời Lão Tử dạy: *Đạo sinh Một, Một sinh Hai, Hai sinh Ba, Ba sinh vạn vật!* (Xem phần trên). Quan niệm Vũ Trụ này tương đồng với ý niệm Thiên Chúa 3 ngôi trong Kitô giáo, Tam vị nhất thể là Sainte Trinité: *Đức Chúa Cha, Đức chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần*.

¹⁵ Ngoài Hà đồ với Long mã trên sông Hà, còn có Lạc thư trang chữ trên mu Rùa thần có cách bố trí các số khác với Hà đồ. Lạc thư có số 15 là số thần (nombre magique) ! Tổng số hàng trên : 4+9+2=15, tổng số hàng giữa 3+5+7=15 và tổng số hàng dưới 8+1+6=15 ! Cộng theo hàng dọc, trái 4+3+8=15, giữa 9+5+1=15, phải 2+7+6=15 ! Cộng theo hàng chéo (diagonale) 4+5+6=15 ; 2+5+8=15 ! Số 15 (1,0,5) tương đồng với chuyện cô Ai cập Isis-Orisis-Horus. Hình vuông Lạc Thư, người phương Tây cũng tìm ra thời cổ, gọi là ma phuong (carré magique).



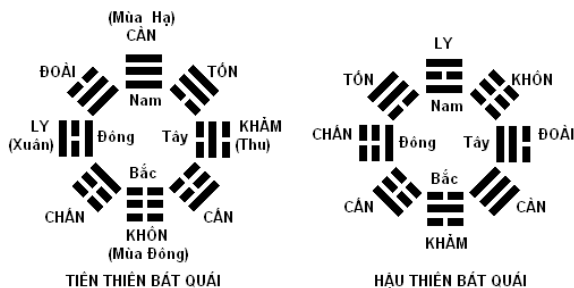
28	4	3	31	35	10
36	18	21	24	11	1
7	23	12	17	22	30
8	13	26	19	16	29
5	20	15	14	25	32
27	33	34	6	2	9



Mỗi cá trong mô hình Thái cực có 1 mắt, mắt Dương cho cá Âm và mắt Âm cho cá Dương (xem hình trên); lý luận nhị nguyên Âm Dương biến thành lý luận Tứ Tượng để có cân bằng, và theo sơ đồ này, đường phân chia S có vị trí số 5 sau Tứ tượng. Isis mang số 1, Orisis số 0, nên Horus con của 2 vị thần này là nửa số 1 và số 0, tức số 5! Mà số 5 là Ngũ hành. Kết luận: Thái cực sinh từ Vô cực là cấu trúc của Vũ trụ, có thể diễn đạt được bằng Nhị Nguyên Tam Bội (Une Dualité à trois Facteurs) hay Tam Tài Ngũ Hành (Une Trinité Quintuple). Thành thử Âm Dương đi 2 lối khác nhau, Tam Tài Ngũ Hành (Dương, với Số lẻ) và Tứ Tượng Bát Quái (Âm, với Số chẵn).

Gần đây nhiều tác giả kết luận là Khái niệm Âm Dương lấy nguồn gốc ở phương Nam, nghĩa là từ Dương Tử giang trở xuống, ngược với thuyết huyền thoại Phục Hy. Lý do là Triết lý Âm Dương rất gần với văn hóa nông nghiệp bởi hai yếu tố *cặp* (nhị nguyên - dualité) : cặp " cha-mẹ / vợ chồng " (Xin đọc lại câu ca dao *Vợ chồng như đũa có đôi...*) và cặp " đất-trời ". Cặp 1 là vấn đề sinh sản sống còn, cặp 2 trực tiếp liên hệ với miếng ăn nghĩa là sinh hoạt nông nghiệp. Như vậy, có lẽ dân Bách Việt¹⁶ là dân tộc đầu tiên áp dụng nguyên lý nhị nguyên sơ khai vào văn hóa nhân loại, nhận thức này sau đó được " nhập cảng " vào văn hóa Hán với phần lớn dân tộc là du mục sống ở phía bắc sông Dương Tử. Người Bách Việt nặng đầu óc tổng luận, phát triển lý luận cấu trúc Vũ trụ từ số Dương 1 tức Tam Tài Ngũ Hành. Người Hán thiên về phân tích, dùng số Âm 0 để hình dung Vũ trụ theo Tứ Tượng Bát Quái.

¹⁶ Âm Dương trong Kinh Dịch phát triển thời gian Vua Vũ nhà Hạ với Tiên Thiên Bát Quái. Qua nhà Thương, rồi đến Văn Vương nhà Chu, Kinh Dịch có nhiều khám phá, nên có Hậu Thiên Bát Quái. Triết học Kinh Dịch ảnh hưởng mãnh liệt đời nhà Chu (1122-256 TCN), thời Xuân Thu chiến quốc Khổng Tử viết Thập Dục mà Hán Vũ Đế (Tây Hán) gọi là Dịch truyện (cắt nghĩa kinh Dịch), cùng với Kinh Dịch được gọi là Chu Dịch 周易 *zhōu yì*. Thế nhưng nhiều nhà nghiên cứu Kinh Dịch Việt Nam hiện nay, chủ thuyết Kinh Dịch thiếu Trung Thiên Bát Quái đồ, vì Kinh Dịch là do Con Rồng Cháu Tiên thời Lạc Long Quân Âu Cơ phát minh, Người Tàu không lấy được vì Tổ Tiên VN giấu kín!



Lúc bé ở Thanh tôi hay nghe nói "Cụ Bà hôm nay đi cưới Vợ Lẽ cho Cụ Ông". Vợ Lẽ (vợ hai, nàng hầu, tiểu thiếp, Tiểu Lão Bà, vv...). Đây là chắc là Vợ Lẽ¹⁷, người Thanh đọc vợ lẽ thành vợ lẽ, vì ở xứ Thanh dấu hỏi đọc thành ngã và ngã thành hỏi. Tỷ như họ nói: Lấy Đũa mời Vợ Lẽ ăn cơm! Lẽ đây, trong từ ngữ Việt là chẵn lẽ, lẽ loi, trong khi Lẽ là lý lẽ. Vì thế Cụ bà chịu đi cưới nàng hầu là một chuyện *lẽ đôi*, hoặc vì theo thuyết Âm dương Vợ hầu được gọi là Vợ Lẽ (Lẽ) thuộc Thái Âm, một Âm Thịnh *Positif Femelle ou Femme Active* (như Nữ thần Isis) và *vợ lẽ* sẽ cai quản hết mọi chuyện trong gia cang ! Thanh Hóa là xứ giống như tôm cá ở sông hai nước (Nam Bắc Việt và Bắc trung Việt), nên chính tả ngôn ngữ lộn xộn với hai dấu hỏi ngã, bởi vì từ Nghệ An trở vô, động Trung ít khi phân biệt hỏi ngã rõ rệt! Cách đây ít lâu, đài BBC Việt ngữ có phỏng vấn nhà thơ Nguyễn Hữu Loan, ông là người Thanh chính cống, nên các câu trả lời mang một hài âm (*consonance*) rất đặc biệt và thú vị, giống như khi qua Tây, nghe ông Tây bà Đàm nói tiếng Tây động Provencal (*accent Marseillais*)! Không phải thấy sang bắt quàng làm họ, nhà chúng tôi cũng có một mối giao tình với nhà Thơ tác giả bài *Màu Tím Hoa Sim*. Số là Người Vợ Mới Cưới trong bài thơ *Màu tím hoa sim*, chị Lê Đỗ Ninh, là bà chị họ con dì con già với tôi, nên thuở thơ ấu, lúc chạy Tản cư, tôi đã lớn lên với những ấn tượng của thảm kịch đầy nước mắt này, và gần đây tôi trở lại Thị Long đi tìm lại những kỷ niệm "*Qua những đôi sim / những đôi sim dài trong chiều không hết / Màu tím hoa sim / tím chiều hoang biệt...*"

Phong tục dân gian nước ta quý trọng các số lẻ hơn số chẵn, đặc biệt là số chín, chín nút, là số Hên! Trong Hà đề các số lẻ 1-3-5-7-9 là số Dương (trắng) nghĩa là số Cơ (Trời). Trong thành ngữ ca dao, cặp bài trùng Ba-Bảy Năm-Bảy rất được thông dụng, và ý nghĩa nhiều khi cũng mơ hồ. Những cặp (xin tránh xài chữ cụm) những từ ngữ này không có một phân tích định lượng nào rõ rệt, chỉ biết đó là số nhiều, ai hiểu sao cũng được. Còn chuyện tại sao dùng cặp số lẻ (3-5-7 chứ không 4-6-8 như người Hoa) mà không dùng số chẵn, thì xin chịu thua, tôi chưa tìm được giải thích thỏa đáng; ngoại trừ luận đề nói rằng Việt nhân ta ưa đãi số lẻ vì đi theo đường *lối suy luận Dương của Tam tài Ngũ Hành*! Ngoài những thành ngữ thông dụng *Ba mặt một lời, Tam sao thất bản, Ba vợ bảy nàng hầu... Đêm bảy ngày ba, vào ra chưa kể*; dân gian còn truyền tụng những câu ca dao rất thâm thiết, tỷ như:

*Cành tre ba bảy cành tre,
Phải duyên thì lấy chớ nghe họ hàng.
Một liêu ba bảy cũng liêu
Cầm bằng như trẻ chơi điều đứt dây.
Anh tiếc cho em cái phận má đào
Tham đồng bạc trắng để gán vào cho chú tây đen
Cái sợi tơ hồng ai khéo xe duyên
Bức tranh tổ nữ đứng bên ông tượng đồng
Chị em ơi, ba bảy đường chồng...*

¹⁷ Chữ Lẽ, hán tự viết Ki bộ điền 畸, như Ki nhân 畸人 người ản dật (lẽ loi). Số chẵn viết 雙 Song bộ chuy

Trên trời ba bảy ông sao
Ông bồng tít lỏi ông cao tít mù.
Biết nhau ba bảy năm tròn
Như sông một dải ai còn dám hay.
Đàn bà năm bảy đàn bà
Chồng dặn mua gà, đi mua quốc con
Đàn ông năm bảy đàn ông
Vợ dặn mua hồng đi rước cây non.
Đàn ông năm bảy đàn ông
Dem bỏ vào lồng cho kiến nó tha
Đàn bà năm bảy đàn bà
Dem bỏ ra chợ kiến tha lại về.
Bắt ông tơ đánh sơ vài chục,
Bắt bà nguyệt ném mấy mươi hèo,
Người ta năm bảy vợ theo
Còn tôi đơn chiếc như mèo cụt đuôi!
Dâu chàng năm bảy mặt con
Thiếp đôi ba đĩa vẫn còn nhớ nhau
Hai tay cầm đôi ống tơ
Dù năm bảy mối cũng chờ mối nhau

Còn rất nhiều, xin xem ghi chú với các câu ca dao khác!

Người Hoa thích số chẵn, chọn số tám là số Hên, rất thích số Bốn Tứ, nhưng cũng kiêng dè vì Tứ điệp vận với Tử. Trong Hà đồ các số chẵn 2-4-6-8-10 là số Âm (đen) nghĩa là số Ngẫu (Đất). Có rất nhiều thành ngữ chữ Hán với các số 4-6-8, dưới đây là vài thí dụ:

四分五裂 tứ phân ngũ liệt, *bốn chia năm xẻ !*
四面八方 tứ diện bát phương, *bốn phương tám hướng.*
四面楚歌 tứ diện sở ca, *bốn phương bị vây.*
四平八稳 tứ bình bát ổn, *bốn nơi thanh bình tám nơi ổn định.*
四海为家 tứ hải vị gia, *bốn bể cũng là nhà.*
四海之内皆兄弟 tứ hải chi nội giai huynh đệ, *bốn bể đều là anh em.*
四处奔波 tứ xứ bồn ba, *bôn tẩu vất vả bốn nơi!*
四季如春 tứ quý như xuân, *Bốn mùa cũng như mùa Xuân (thời tiết tốt)*
四方响应 tứ phương hưởng ứng, *bốn phương ủng hộ !*
六亲不认 tứ thông bát đạt, *bốn thông tám suốt.*
四通八达 lục thân bất nhận, *sáu thân nhân mà chả ai nhận họ hàng*
六亲无靠 lục thân vô kháo, *sáu thân nhân mà không chỗ nương tựa .*
六神无主 lục thần vô chủ, *sáu thần mà không có xếp (ý nói lạc lõng)*

八面威风 bát diện uy phong, uy phong lẫm liệt tám phương.
八面玲珑 bát diện linh lung,
八仙过海各显神通 bát tiên quá hải các hiển thần thông.

Thuyết chẵn lẻ cổ võ cho lập luận Kinh Dịch là phát minh của nòi Lạc Việt, có thể là từ Việt Nam, song song với phát minh Lúa nước, tên gọi hòa 禾. Các tác giả dựa vào những hoa văn khắc trên trống đồng Ngọc Lũ, Đông Sơn và đồ gốm Phùng Nguyên (phát giác cách đây hơn 100 năm) để đi tìm dấu tích Kinh Dịch do người Văn Lang chế tác ở thời đại Hùng Vương. Mấy ông này, nói Kinh Dịch gốc Hán chỉ có Tiên Thiên và Hậu Thiên Bát Quái, thiếu Trung Thiên Bát Quái do Việt Nam sáng lập, nhưng giấu kín, quân Hán đô hộ không ăn cắp đem về Tàu được! Đại đạo Tam kỳ Phổ độ, tức đạo Cao Đài thành lập khoảng 1920-1926 trong Nam có đặc trưng triết giáo với Kinh Dịch lấy thuyết Tam Tài Thiên-Địa-Nhân để lập nên Đệ Tam Trung Thiên Bát Quái, có chắc đã khá lâu.

Như đã trình làng trước đây, văn hóa ăn mọc tồn là văn hóa trăm phần trăm Bách Việt¹⁸, mà Lạc Việt đứng số một trong cách nấu nướng với gia vị đặc biệt (Xem *Năm chó Nói chuyện Ăn thịt chó*). Văn hoá này bắt nguồn và phát triển cùng với mở mang văn minh nông nghiệp. Thế thì dưa tre dưa trúc là do đời sống nông nghiệp sinh ra từ đời thượng cổ, chắc cũng là do dân Bách Việt sáng tạo ra vậy! Từ văn hiến mọc tồn, qua văn hóa Dưa, đến nguyên lí nhị nguyên Âm Dương, kể cả Kinh Dịch, vv, nòi Lạc Việt đều có quyền sở hữu trí tuệ (*propriété intellectuelle*)!

Âm Dương chuyển hóa theo chu kỳ Ngũ Hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, để quy định những quy luật tự nhiên trong xã hội loài người. Luật Ngũ hành cũng chi phối Lục phủ ngũ tạng trong thân thể, tỷ như *ngũ tạng động*, biến sinh ngũ tạng: Tâm động có mừng và niệm, Thận động có tình dục và sợ hãi, Can động có sân và hòa, Phế động có lo lắng và Tỳ động có tư lự và dục vọng.

Dựa theo Ngũ Hành cổ nhân còn dạy cách hành văn: Mỗi lời viết ra phải lấp lánh như vàng (Kim), khi thì sần sùi như gỗ (Mộc), lúc uyển chuyển như nước (Thủy), lúc mãnh liệt như lửa (Hỏa), và bao trùm lên tất cả; dưới bút tựa như có khói mây, trong nghiên hầu chứa cả tạo hóa; thì duy chỉ còn có đất (Thổ), mà đất vốn im lặng, vì thế kẻ nào chưa biết giữ im lặng chưa viết được văn.

¹⁸ Xin nhắc sơ lại nguồn gốc dân Bách Việt. Hình dáng loài người trên thế giới có 4 đại chủng, Âu (Causacoid) Phi (Negroid) Á (Mongoloid) và Úc (Australoid). Khoảng giữa thời kỳ đồ đá, chủng Á và chủng Úc hợp, sinh chủng Cổ Mã Lai (Indonésien) sống rải rác từ bán đảo Đông dương đến sông Dương tử, từ Ấn độ qua các đảo Indonésie và quần đảo Philippines. Qua Tân thạch khí kỳ đại, thời kỳ đồ đá mới và đồ đồng (3000 TCN), Cổ Mã Lai thường xuyên tiếp xúc với chủng Á từ phương bắc tràn xuống, sinh thành chủng Nam Á (Austro-Asiatique). Chủng này chia ra nhiều dân tộc gọi Bách Việt: *Điền Việt* (cư trú tại Vân Nam, Trung Quốc), *Dương Việt*, *Mân Việt*, *Đông Việt*, *Nam Việt* (cư trú tại Quảng Đông, Trung Quốc), *Lạc Việt* (cư trú tại Quảng Tây, Trung Quốc và Bắc bộ, Việt Nam),... sinh sống từ vùng nam sông Dương Tử (Trung Quốc) cho đến Bắc bộ (Việt Nam). Chủng mới Nam Á, lữ Việt nhân và hậu duệ, sinh sống bằng Nông nghiệp, đã khởi sự từ thời đồ đá này phát minh và mở mang văn hóa Thịt Cây và văn hóa Dưa. Trong khi, các dân tộc sống ở Ấn độ, Indonésie, Philippines, Mã Lai, Căm bốt, Thái (đen), etc...phát sinh từ tổ tiên chủng Cổ Mã Lai, vẫn tiếp tục ăn bốc cho tới thời kỳ gần đây mới bắt đầu dùng muỗng, đôi khi phuộc xẹt, theo văn hóa phương Tây. Người Ấn độ, phần lớn vẫn còn ăn bốc. Văn hóa Nhị nguyên Âm Dương, Kinh Dịch, có lẽ cũng bắt nguồn với lữ Việt nhân này!

Chú thích thêm về Ankh có phải là Horus không ? Và Trung Thiên đồ như thế nào?

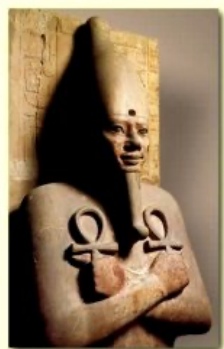
Cặp Isis Thái Âm và Orisis Thiếu Dương, theo Cổ Ai cập, là cha mẹ đẻ của Nhân Loại. Horus con Isis và Orisis, là Ánh sáng của Nhân Loại, là Thượng Đế giáng sinh (le Dieu fait homme). Horus thường được tượng trưng bằng khóa Ankh, chìa khóa của Sự Sống, không có Ankh, loài người chỉ là tượng đất sét (*l'humain n'est qu'une sculpture d'argile*). Glossaires Théosophiques viết : Ankh, Anhk, Ank, *Âme, Vie, Sang*, Linh hồn, sự sống, máu. Thập tự, Ank tiếng Êbrơ nghĩa *Vie, sự sống*. Trong sử Ai cập Đế Ngũ triều Đại Eléphantine, Horus le Jeune là con ngoại tình của Isis và Hoàng đế Rê, nối ngôi Luhabim 2113 TCN, lên làm Vua lấy tên là Siophès-Sisirès. Sisirès mất năm 2106 TCN, bị con Luhabim thần Cá Sấu (dieu-crocodile) giết. Thoại sử về sau viết Horus bị Cá Sấu ngón chết.

Chuyện ATNP viết Horus là nguyên tố 5 trong cặp 1,0 và 5. Khi Vũ trụ chưa hiện hình (*Univers Non-manifesté*) Bản thể chưa hiện sinh hay Phản thể (*Non-Être*), thì *Anhk là biểu hiệu cho Vô Cực*, tức Đạo. Khi Vô Cực sinh Thái Cực, *Ank biểu hiệu cho Thái Cực* lưỡng nghi Âm Dương. Trong đồ hình Thái Cực, cá đen là Isis, cá trắng là Orisis, đường chữ S phân chia Âm Dương, tức số 5 là Horus mà cũng là Ank. Âm Dương sinh ra chữ S, nên có thể nói Isis và Orisis kết hợp sinh số 5, tức Horus hay Ank! Xin xem hình dưới đây.

Hình 1: Orisis với dấu hiệu Anhk,

Hình 2: Horus cầm gậy Anhk Sinh Sống Vĩnh Cửu, *Ankh: Symbol of eternal life. The gods are often seen holding an ankh to someone's lips this is considered to be an offering of "The Breath of Life". The breath you will need in the afterlife.* Biểu tượng của cuộc sống vĩnh cửu. Các vị thần thường được nhìn thấy đang ngậm một cây ankh lên môi của người khác, đây được coi là vật dâng cúng "Hơi thở của sự sống". Hơi thở bạn sẽ cần ở thế giới bên kia

Hình 3: Orisis và Isis, di tích ở Lăng mộ Bannentiu và Djed-Amun-Iuf-Ank



Hình 1



Hình 2

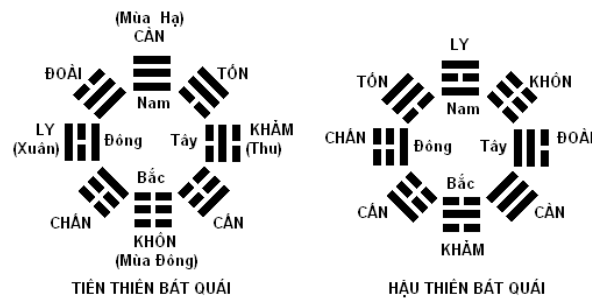


Hình 3

Kinh Dịch là một Đại dương, sức hiểu biết của tôi chỉ là giọt nước! Sơ lược, Kinh Dịch dựa trên Bát Quái, Bát Quái phát xuất từ Tứ Tượng. Tứ tượng có 4 quẻ : Thái Dương 太 陽, Thiếu Dương 少 陽, Thiếu Âm 少 陰 và Thái Âm 太 陰 gồm 2 vạch (Âm hoặc Dương) chồng lên nhau



Chồng thêm một quẻ Âm hay Dương, ta có 8 quẻ đơn Bát Quái, mỗi quẻ có 3 vạch ngang: Càn 乾 (Trời 天), Đoài 兑 (Đầm, hồ 澤), Li 離 (Hỏa 火), Chấn 震 (Sấm 雷), Tốn 巽 (Gió 風), Khảm 坎 (Nước 水), Cấn 艮 (Núi 山), Khôn 坤 (Đất 地). Chồng thêm 1 vạch, sẽ có 64 quẻ kép.



Theo truyền thuyết, khi mới đặt thành Bát quái, Phục Hi vẽ các quẻ theo một vòng tròn khép kín, tính các vạch từ trong ra. Bốn hướng Đông Tây Nam Bắc ứng với bốn mùa (các hướng nhìn lên trời *nên ngược với trên mặt đất*, vòng quay của các mùa ngược với chiều kim đồng hồ, là hướng quay của Vũ trụ). Các quẻ đối xứng về mặt hình học và ý nghĩa qua tâm vòng, nếu quẻ bên này vị trí này là dương thì bên kia phải là âm. Ba vạch liền đối với 3 vạch đứt, 2 đứt 1 liền đối với 2 liền 1 đứt. Như vậy các cặp đối nhau là: Càn - Khôn (Trời - Đất), Tốn - Chấn (Gió - Sấm), Khảm - Ly (Nước - Lửa), Cấn - Đoài (Núi - Đầm). Đây là *Tiên Thiên Bát Quái*. Đến đời Chu (TK 12 TCN) thì Chu Văn vương vẽ theo một trật tự khác, trong đó quẻ Càn bắt đầu từ hướng Tây Bắc, và theo vòng ngược chiều kim đồng hồ lần lượt là Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, đồ hình được gọi *Hậu Thiên Bát Quái*.

Đại đạo Tam kỳ Phổ độ, đạo Cao Đài có Kinh Dịch lấy thuyết Tam Tài Thiên-Địa-Nhân để lập nên *Đệ Tam Trung Thiên Bát Quái*, gồm: Phần bên trái thuộc Dương gồm các quẻ : Càn, Khảm, Cấn, Chấn. Phần bên phải thuộc Âm gồm các quẻ : Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Đây có lẽ chỉ là *Hậu thiên đồ quay 90 độ theo chiều kim đồng hồ !*

Các tác giả đi tìm Kinh Dịch do con Rồng cháu Tiên phát minh ra, nói người Hán chỉ ăn cắp được *Thiên đồ, Địa đồ* và thiếu Trung Thiên Đồ tức *Nhân đồ* mà Tổ tiên Việt Nam đã giấu kỹ. Các ông này nói với Tiên Thiên Đồ và Hậu Thiên Đồ các quẻ Càn Khôn Ly Khảm *đứng đối nhau* qua tâm, biểu hiện trạng thái phân ly, và trên Trung Thiên Đồ các quẻ Càn Khôn Ly Khảm *đứng gần nhau* từng đôi một biểu hiện trạng thái giao hội. Rồi thiết lập Trung Thiên đồ sau đây: quẻ Càn ở phương Nam, quẻ Đoài ở phương Đông Nam, quẻ Tốn ở phương Đông, quẻ Khảm ở phương Đông Bắc, quẻ Ly ở phương Bắc, quẻ Cấn ở Tây Bắc, quẻ Chấn ở Tây và quẻ Khôn ở phương Tây Nam.

So sánh với Tiên Thiên Đồ (hình màu), các quẻ Trung Thiên Đồ sẽ có những vị trí dưới đây:

Nam: Càn ☰

Đông Nam: Đoài ☱

Tây Nam: Khôn ☷

Đông: Tốn ☴

Tây: Chấn ☳

Đông Bắc: Khảm ☵

Tây Bắc: Cấn ☶

Bắc: Ly ☲



Các hướng nhìn lên trời, nên ngược với trên mặt đất, do đó Nam ở trên mà Bắc ở dưới. Đồ hình trên do mấy Ông Cocorico vẽ ra và cắt nghĩa là có thể giải nghĩa nhiều điểm mà Kinh dịch Hán không có trả lời suốt trong hai ngàn năm qua. Đồ hình lấy ở đâu ra thì không thấy nói, chỉ thấy nó khác với Trung Thiên Đồ của Đạo Cao Đài.

Phái Đại Việt Cò Cocorico nói dựa trên các di chỉ đồ đồng đồ gốm làm chứng cứ, lại nói một ít tên quẻ không phải gốc chữ Hán mà là chữ Việt, và nói phát hiện ra Trung Thiên Đồ là nhờ *truyền thuyết* Lạc Long Quân và Âu Cơ. Dzure này là một đề mục ATNP rất hào hứng.

Tôi suy nghĩ về Nhân đồ tức Trung Thiên đồ của Cocorico nhà ta, tôi thấy hơi kỳ, mọi quẻ không còn đối hay tương xứng như Tiên thiên hay Hậu thiên. Tuy không biết chu đáo về Kinh dịch nhưng cũng thấy tâm mạch phé tạng chạy loạn xạ khi khảo sát, vì vũ trụ không còn chân lý Âm Dương nữa.

Thêm những ca dao Ba Năm Bảy (Số lẻ)

*Lá rách lá lành đùm bọc lấy nhau
Một cành tươi năm bảy cành sầu
Chim kia còn biết nhớ nhau nữa người...*

*Mẹ chồng là mẹ chồng tôi
Năm bảy cái quạ nó lồi mẹ chồng.*

*Một cành dâu năm bảy cành dâu
Bên tài bên sắc lấy nhau cũng vừa*

*Một cành tre năm bảy cành tre
Phải duyên thời lấy chó nghe họ hàng*

Một ngày cũng đạo cang thường
Huống chi năm bảy tháng trường tơ duyên
Gió thổi một ngày năm bảy trận giông
Anh đi năm bãi sao không thấy về
Người ta năm bảy chị em
Tôi đây như thể chiếc nem lột trần
Ngày năm bảy thiếp
Đêm trọn kiếp năm không
Nhấn năm bảy tin cũng chẳng thấu tình
Màn thơ cánh nhận, tạc chữ quỳnh thăm em
Một ngày năm bảy bận sang
Thiếp những trông chàng, chàng những trông ai?
Một lòng sâu, năm bảy lòng sâu
Đáy vui có biết đáy sâu cùng chăng?
Quay tơ phải giữ mối tơ
Dù năm bảy mối cũng chờ mối anh
Quý chi một nải chuối xanh
Năm bảy người dành cho mù dính tay
Em đây năm bảy người giành
Như cá ở chợ, dạ ai dành nấy mua
Tiếc công lao anh đào ao thả cá
Năm bảy tháng trường họ lạ đến câu
Làm nên năm bảy lạng vàng
Chẳng bằng một lúc ra đàng gặp nhau
Vì tình anh phải đi đêm
Vấp năm bảy cái đất êm hơn giường
Xa xôi năm bảy ngày đường,
Duyên ưa, phận đẹp thì nường cũng theo